

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2025/DS-ST
Ngày 15 tháng 4 năm 2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thành Thật - Bà Đặng Thị Mỹ Hương
Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 47/2025/TLST-DS, ngày 21 tháng 01 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2025; quyết định hoãn phiên tòa số: 108/2025/QĐST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2025 giữa đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Dương Thị Xuân T, sinh năm 1970. Nơi cư trú: 1 đường H, phường I, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

Bị đơn: Bà Trần Thị Phương T1, sinh năm 1973. Nơi cư trú: A L, khóm Đ, phường Đ (nay là phường M), thành phố L, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn bà Dương Thị Xuân T trình bày:

Qua quen biết nên ngày 20/3/2019 bà có cho bà Trần Thị Phương T1 vay 200.000.000 đồng; sau đó ngày 10/9/2019 bà Trần Thị Phương T1 vay thêm 100.000.000 đồng. Tổng số tiền cho bà T1 vay là 300.000.000 đồng. Cả 02 lần vay lãi suất thỏa thuận 01%/tháng, thời hạn trả vốn 03 tháng kể từ ngày vay, bà T1 sử dụng vốn vay vào việc tu bổ cơ sở mẫu giáo tư thực. Việc cho vay 2 bên không làm biên nhận. Quá trình vay nợ bà T1 không trả lãi theo thỏa thuận, đến kỳ hạn trả vốn bà T1

chỉ trả được 50.000.000 đồng thì ngưng. Mặc dù bà nhiều lần yêu cầu bà T1 trả nợ nhưng bà T1 vẫn không thực hiện.

Do bà T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà yêu cầu bà T1 trả nợ gốc 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu) đồng, không yêu cầu trả lãi. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là ảnh chụp tin nhắn zalo bà T1 nhắn cho bà.

Quá trình tố tụng bà Trần Thị Phương T1 trình bày:

Bà thừa nhận có vay tiền của bà Dương Thị Xuân T và trả tiền cho bà T đúng như bà T trình bày. Đến nay bà thừa nhận còn nợ bà T vốn gốc 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu) đồng. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bà yêu cầu bà T tạo điều kiện thêm cho bà thời gian để bà kêu bán tài sản trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Bà T khởi kiện bà T1 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bà T1 cư ngụ tại phường M, thành phố L nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Phiên tòa hôm nay mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng bà Trần Thị Phương T1 vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có mặt không yêu cầu hoãn phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn bà Trần Thị Phương T1.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Bà T khởi kiện yêu cầu bà T1 có nghĩa vụ trả 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu) đồng, không yêu cầu trả lãi. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ảnh chụp tin nhắn zalo bà T1 nhắn cho bà.

[2.2]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà T đối với bà T1, Hội đồng xét xử nhận thấy, giao dịch dân sự giữa bà T và bà T1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, hình thức giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại các Điều 116, 117, 118, 119 và Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 nên phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên.

[2.3]. Quá trình giải quyết vụ án, bà T1 thừa nhận giữa bà và bà T có xác lập hợp đồng vay đúng như bà T trình bày. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, bà đồng ý trả cho bà T 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu) đồng.

[3]. Qua lời trình bày của các đương sự và xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T buộc bà

T1 trả 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu) đồng. Bà T không yêu cầu bà T1 trả lãi, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Căn cứ Điều 6; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà T1 phải chịu 12.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho bà T 250.000.000 đồng. Yêu cầu khởi kiện của bà T được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên bà T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 357, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 6; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2, Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (Được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Xuân T đối với bà Trần Thị Phương T1. Buộc bà Trần Thị Phương T1 có nghĩa vụ trả cho bà Dương Thị Xuân T số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu) đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Phương T1 chịu 12.500.000đ (Mười hai triệu năm trăm nghìn) đồng án phí.

Bà Dương Thị Xuân T được nhận lại 6.250.000đ (Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002115, ngày 17/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Dương Thị Xuân T có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn bà Trần Thị Phương T1 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi gửi:

- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPLX;
- Thi hành án DS TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hoa

